

Bản án số: 314/2023/HSST
Ngày: 24/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Tạ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 327/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19/02/1983, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, (Nay là khu phố T, thị trấn R) huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1 (Đã chết) và bà Phạm Thị H1; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 06/10/2014 bị Công an tỉnh T khởi tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2023 đến ngày 18/4/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: N số A phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hàn Việt H2, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng:

1. Anh Lưu Thành T3, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà B N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Phạm Thành H3, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Trịnh Văn H4, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà F, K, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/11/2013, Nguyễn Hữu T đến Công ty TNHH T5 T, phường Đ, thành phố T ký hợp đồng thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS 29U-2200, đăng ký mang tên Đinh Thị Ngọc L làm phương tiện đi lại. Anh Lưu Thành T3 là giám đốc công ty đã ký hợp đồng thuê xe với Nguyễn Hữu T, đồng thời Nguyễn Hữu T còn có để lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoda Air Blade, màu đen, BKS 36R2-9746 để làm tin. Quá trình sử dụng, qua giới thiệu Nguyễn Hữu T gặp ông Phạm Văn T2 (Phạm Hồng T4) là người đang có nhu cầu mua xe ô tô cũ. Do cần tiền nên khi ông Phạm Văn T2 hỏi mua thì được Nguyễn Hữu T đồng ý và nói “Cháu có chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS 29U-2200, cháu là người sở hữu nên muốn bán”. Sau khi xem xe ô tô, hai bên thỏa thuận giá mua bán là 400.000.000 đồng, nhưng do chiếc xe đang bị Công an huyện Đ tạm giữ vì va chạm giao thông nên thống nhất khi nào lấy xe ra sẽ làm hợp đồng mua bán. Ngày 18/12/2013 Nguyễn Hữu T gọi điện yêu cầu ông Phạm Văn T2 đặt cọc 200.000.000 đồng thì ông T2 đồng ý và hẹn T đến nhà để giao tiền. Tại đây, ông T2 giao cho T 200.000.000 đồng, Nguyễn Hữu

Thiện ký vào giấy nhận tiền với nội dung bán cho ông T2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS 29U-2200 giá 400.000.000 đồng, nhưng do chiếc xe phải sửa chữa nên ông T2 giao trước 200.000.000 đồng, khi nào sửa xong sẽ giao hết số tiền còn lại. T hứa hẹn 03 ngày sau, T sẽ sửa xong xe và giao xe cho ông T2. Tuy nhiên, T đã không giao được xe theo thỏa thuận, ông T2 nhiều lần liên hệ nhưng T tìm nhiều lý do trốn tránh. Đến tháng 01/2014 thì Nguyễn Hữu T cắt hẳn liên lạc và bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 20/11/2014, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Hữu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 13/04/2023, Công an thành phố T bắt được Nguyễn Hữu T, đồng thời ra Quyết định đình nã đối với Nguyễn Hữu T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Hữu T đã nhờ cậu của mình là ông Phạm Văn K trả cho ông Phạm Văn T2 số tiền 130.000.000 đồng. Ông Phạm Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu 70.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Hàn Viết H2 (đã mua lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS 29U-2200 từ anh Lưu Thành T3 - chủ Công ty TNHH T5) yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 85.000.000 đồng, trong đó: 60.000.000 đồng tiền sửa xe ô tô do Nguyễn Hữu T gây tai nạn giao thông và 25.000.000 đồng tiền thuê xe theo hợp đồng chưa được thanh toán.

Tại bản cáo trạng số 267/CT-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Thiện về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017.

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 07 (B) năm tù đến 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 70.000.000 đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Hàn Viết H2 số tiền 85.000.000 đồng (Trong đó tiền sửa chữa xe ô tô là 60.000.000 đồng, tiền thuê xe còn thiếu là 25.000.000 đồng).

Đối với xe máy nhãn hiệu Hoda Air Blade, màu đen, BKS 36R2-9746 khi đến thuê xe ô tô Nguyễn Hữu T đã để lại công ty TNHH T5 làm tin. Quá trình điều tra ông Lưu Thành T3 khai đưa cho ông Hàn Viết H2 đi, ông H2 cũng thừa nhận ông T3 có đưa xe máy này cho ông H2 sử dụng, nhưng ông Hàn Viết H2 khai sau khi sử dụng xe máy được một thời gian để xe máy của T ở đâu ông H2 không nhớ. Tại phiên tòa Nguyễn Hữu T khai chưa có yêu cầu xem xét giải quyết đối với tài sản này, nên giành quyền cho Nguyễn Hữu T khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, một lần nữa bị cáo khai nhận: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên ngày 18/12/2013, Nguyễn Hữu T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói với ông Phạm Văn T2 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS 29U-2200 (xe thuê của Công ty TNHH T5) là xe thuộc quyền sở hữu của mình cần tiền nên bán, làm cho bị hại tin tưởng là thật nên đã đưa cho bị cáo 200.000.000 đồng để mua xe. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Hữu T bỏ trốn sang nước ngoài, đến 13/4/2023 về Việt Nam thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Lời khai nhận tội của bị cáo đã phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi gian dối của bị cáo đã làm cho bị hại tin tưởng là thật nên giao tài sản, sau khi nhận được tài sản của họ, bị cáo đã không thực hiện như cam kết, mà chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Tài sản bị cáo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng, hành vi của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó Cơ quan Công an thành phố Thanh Hóa khởi tố bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội danh và khung khoản, điều luật quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; bị cáo thực hiện một cách rất táo bạo và liều lĩnh, mặc dù biết rõ trị giá tài sản chiếm đoạt là tương đối lớn, bị hại sẽ tố cáo và hành vi của bị cáo sẽ bị xử lý theo pháp luật. Nhưng do muốn có tiền ăn tiêu và xem thường pháp luật, bằng lời nói gian dối bị cáo đã làm cho bị hại tin tưởng là thật và giao tài sản là số tiền 200.000.000 đồng cho bị cáo, sau khi nhận được tiền bị cáo bỏ trốn. Với tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung

Tuy nhiên, tại các cơ quan pháp luật và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bị cáo bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Theo bị hại (ông Phạm Văn T2) báo cáo số tiền bị cáo chiếm đoạt là 200.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 130.000.000 đồng. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý trả số tiền trên cho bị hại. Xét thấy việc bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ nên áp dụng Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Phạm Văn T2 số tiền này.

Đối với ông Hàn Viết H2 yêu cầu Nguyễn Hữu T phải trả là 25.000.000 đồng số tiền thuê xe và tiền sửa chữa xe ô tô là 60.000.000 đồng. Mặc dù bị cáo thuê xe của Công ty TNHH T5 nhưng ngày 30/11/2013 ông Hàn Viết H2 đã mua lại chiếc xe này của công ty TNHH T5. Quá trình thuê xe Nguyễn Hữu T đã xảy ra va chạm giao thông, làm xe ô tô hư hỏng, ông Hàn Viết H2 đã phải bỏ tiền sửa chữa xe hết 60.000.000 đồng, tiền thuê xe Nguyễn Hữu T còn thiếu 25.000.000 đồng. Nguyễn Hữu T đã viết giấy biên nhận và cam kết trả cho ông Hàn Viết H2 tổng số tiền sửa xe ô tô và thuê xe là 85.000.000 đồng nhưng cho đến nay bị cáo chưa trả số tiền này cho ông Hàn Viết H2. Nay ông Hàn Viết H2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 85.000.000 đồng. Tại phiên tòa Nguyễn Hữu T cũng thống nhất hoàn trả số tiền 85.000.000 đồng cho ông Hàn Viết H2 (Tiền thuê xe 25.000.000 đồng, tiền Sửa chữa xe là 60.000.000 đồng). Do đó có căn cứ buộc Nguyễn Hữu T phải bồi hoàn số tiền 85.000.000 đồng cho ông Hàn Viết H2.

Đối với xe máy nhãn hiệu Hoda AirBlade, màu đen, BKS 36R2-9746 khi đến thuê xe ô tô Nguyễn Hữu T đã để lại công ty TNHH T5 làm tin. Quá trình điều tra ông Lưu Thành T3 khai đưa cho ông Hàn Viết H2 đi, ông H2 cũng thừa nhận ông T3 có đưa xe máy này cho ông H2 sử dụng, nhưng ông Hàn Viết H2 khai sau khi sử dụng xe máy được một thời gian để xe máy của T ở đâu ông H2

không nhớ. Tại phiên tòa Nguyễn Hữu T khai chưa có yêu cầu xem xét giải quyết đối với tài sản này, nên giành quyền cho Nguyễn Hữu T khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; 585; 589; Điều 357; 468 Bộ luật Dân sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*

Xử phạt: Nguyễn Hữu T 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 12/4/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Hữu T phải bồi thường cho ông Phạm Văn T2 số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Buộc Nguyễn Hữu T phải hoàn trả cho ông Hàn Viết H2 số tiền 85.000.000 đồng (*Tám lăm triệu đồng*).

Giành quyền cho Nguyễn Hữu T khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu đối với chiếc xe máy của Nguyễn Hữu T để lại cho anh Lưu Thành T3 khi T thuê xe ô tô.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được Thi hành án có yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án có quyết định thi hành mà người phải thi hành án chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.750.000 đồng án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THA tp Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt